

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lý Thị Trúc Linh.

2. Ông Nguyễn Minh Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 190/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 78/TB-TA ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị **Văn Kim T**, sinh năm: 1988,

Địa chỉ: Số b, ấp n, xã h, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

\* *Bị đơn:* Anh **Lê Văn M**, sinh năm: 1990,

Địa chỉ: Số b, ấp n, xã h, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh M vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và các biên bản trong quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị Văn Kim T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh M tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã b, huyện m, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cãi vã. Anh M có quan hệ nam nữ bất chính, thường xuyên say xỉn và hung hăng với chị, còn hăm dọa chị. Hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành.

Cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn M. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

*Về con chung:* Có 02 con chung là Lê Minh Q, sinh 08/01/2019 và Lê Minh Đ, sinh ngày 06/7/2015. Chị T yêu cầu nuôi cháu Q và đồng ý để anh M nuôi cháu Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn M mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh M đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh M.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn thực hiện chưa đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào nội dung trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa chị T và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung giữa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T. Về hôn nhân, chị T được ly hôn anh M. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị T, anh M có 02 con chung là Lê Minh Q, sinh 08/01/2019 và Lê Minh Đ, sinh ngày 06/7/2015. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Quang và anh M được quyền nuôi dưỡng cháu Đăng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

*Về nợ chung:* Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Văn Kim T và anh Lê Văn M là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh M có nơi cư trú tại Số b, ấp n, xã h, huyện Châu

Thành, tỉnh Bến Tre, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã b, huyện m, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/12/2014 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi. Chị T và anh M đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh M vắng mặt, không tham gia hòa giải, điều đó cho thấy anh M không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng hiện chị T và anh M sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, quá trình chung sống hai bên cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M. Từ đó có cơ sở để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là Lê Minh Q, sinh 08/01/2019 và Lê Minh Đ, sinh ngày 06/7/2015. Xét thấy chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q từ nhỏ cho đến nay và cháu vẫn phát triển bình thường. Tại biên bản hỏi ý kiến con trên 07 tuổi cháu trình bày hiện đang sống cùng với anh M và chị T. Khi cha mẹ ly hôn, cháu Đ muốn sống với anh M, chị T cũng đồng ý cho anh M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ cho rằng việc giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Đ cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của các cháu cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T, chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Q; anh M được quyền nuôi dưỡng cháu Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về án phí: Chị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chị Văn Kim T được ly hôn với anh Lê Văn M. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Lê Minh Q, sinh 08/01/2019 và Lê Minh Đ, sinh ngày 06/7/2015. Khi ly hôn, chị Văn Kim T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh Q. Anh Lê Văn M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5. Về án phí: Chị Văn Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003614 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp xong án phí.

Chị T, anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã b, huyện m, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thanh Lan**